

**CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ MIRAE
ASSET (VIỆT NAM)
MIRAE ASSET (VIETNAM) FUND
MANAGEMENT COMPANY LIMITED**

Số: 315/2025/CV-MAFM
No: 315/2025/CV-MAFM

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Socialist Republic Of Vietnam
Independence – Freedom – Happiness**

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2025
Ha Noi, March 26, 2025

**BÁO CÁO
REPORT**

**Tổng kết hoạt động quản lý quỹ
Annual Summary of Fund Management Activities
(2024)**

(Theo mẫu Phụ lục XXV thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(According to Appendix XXV of Circular No. 98/2020/TT-BTC dated November 16, 2020, issued by the Minister of Finance)

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Submitted to: The State Securities Commission of Vietnam

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ

1. FUND INFORMATION

- a) Tên của quỹ: Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Linh Hoạt Mirae Asset Việt Nam (MAFF)
a) *Fund Name: Mirae Asset Vietnam Flexible Fixed Income Fund (MAFF)*

Loại hình quỹ: Quỹ mở

Fund Type: Open-ended Fund

b) Mục tiêu đầu tư của quỹ

b) Investment Objective of the Fund

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tạo ra lợi nhuận hấp dẫn, cạnh tranh hơn các sản phẩm thu nhập cố định khác cho Nhà Đầu tư trên cơ sở linh hoạt kết hợp các nhóm sản phẩm thu nhập cố định có lợi suất hấp dẫn. Công ty Quản Lý Quỹ thực hiện việc đầu tư của Quỹ bằng các hình thức đầu tư mà pháp luật hiện hành cho phép. Ngoài ra, mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi hoàn toàn theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

The investment objective of the Fund is to generate attractive returns, more competitive than other fixed-income products for Investors, by flexibly combining various fixed-income products with appealing yields. The Fund Management Company carries out the Fund's investments through methods permitted by current law. Furthermore, the investment objective of the Fund may be fully modified as per the decision of the Investors' General Meeting, in accordance with applicable legal regulations, and reported to the State Securities Commission.

c) Thời hạn hoạt động của quỹ: vô thời hạn

c) Fund's Duration: Indefinite

d) Danh mục tham chiếu: không áp dụng

d) Benchmark Index: Not applicable



e) Chính sách phân chia lợi nhuận

e) Profit Distribution Policy

Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư khi:

The Fund may only distribute profits to Investors when:

- Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật

- The Fund has fulfilled or has the financial capacity to fulfill its tax obligations and other financial obligations in accordance with the law.

- Ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản Lý Quỹ

- Immediately after distributing the predetermined profits, the Fund must still ensure the full payment of all debts and other financial obligations that are due. The implementation schedule must be publicly disclosed on the Fund Management Company's website.

- Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn vị quỹ. Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ được thực hiện trên cơ sở đề xuất của Công ty Quản Lý Quỹ và phải được sự chấp thuận trước của Đại Hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã uỷ quyền cho Ban Đại diện quỹ quyết định phù hợp với quy định tại Điều lệ Quỹ.

- The profit distribution may be in cash or in Fund Units. The distribution of profits by the Fund is carried out based on the proposal of the Fund Management Company and must be approved in advance by the Investors' General Meeting or by the approval of the Fund's Representative Board (if the most recent Investors' General Meeting has authorized the Representative Board to make decisions in accordance with the Fund's Charter).

f) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành (tại thời điểm 31/12/2024): 31,662,643.48 chứng chỉ quỹ

f) The number of outstanding fund units (as of December 31, 2024): 31,662,643.48 fund certificates

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo: không có

g) Changes to the Fund's Charter during the reporting period: None

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:

h) Content of the Investors' General Meeting Resolution during the reporting period:

- Thông qua báo cáo tình hình hoạt động năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024 của Quỹ

- Approval of the 2023 Activity Report and the 2024 Activity Plan of the Fund

- Thông qua phương án không phân phối lợi nhuận năm 2023 của Quỹ

- Approval of the Fund's 2023 Profit Retention Plan

- Thông qua toàn văn báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 của Quỹ

- Approval of the full text of the Fund's audited financial statements for 2023.

- Thông qua việc Đại hội Nhà Đầu tư uỷ quyền cho Ban đại diện quỹ lựa chọn tổ chức kiểm toán thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm của Quỹ cho kỳ kế

toán năm 2024 trong danh sách các công ty kiểm toán do Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) đề xuất, đáp ứng tiêu chuẩn tại Điều lệ Quỹ với mức phí hợp lý

- *Approval for the General Meeting of Investors to authorize the Fund's Representative Board to select an auditing firm to review the semi-annual financial statements and audit the annual financial statements of the Fund for the 2024 fiscal year from the list of audit firms proposed by Mirae Asset Fund Management (Vietnam) LLC, ensuring compliance with the Fund's Charter and a reasonable fee.*

- Thông qua mức thù lao và ngân sách hoạt động của Ban đại diện quỹ năm 2024.

- *Approval of the remuneration and operating budget of the Fund's Representative Board for 2024.*

- Thông qua việc thay đổi giá dịch vụ phát hành cho giao dịch sau IPO và giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ của Quỹ.

- *Approval of the change in service fees for post-IPO issuance transactions and the redemption fee of the Fund's fund certificates.*

2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

2. REPORT ON THE FUND'S PERFORMANCE RESULTS

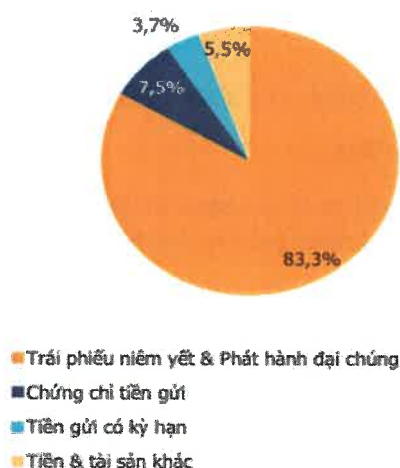
a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12/2024

a) *Information on the Fund's Investment Portfolio and Net Asset Value as of December 31, 2024*

- Danh mục đầu tư của Quỹ phân bổ theo nhóm, ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu,...)

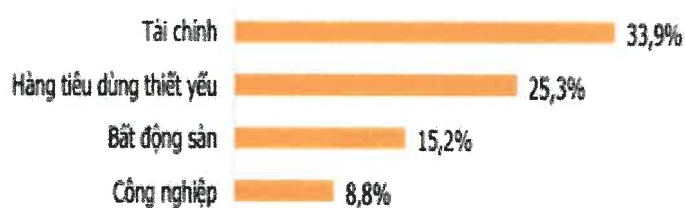
- *The Fund's investment portfolio is allocated by group, sector, industry, and product type (stocks, bonds, etc.).*

PHÂN BỐ TÀI SẢN

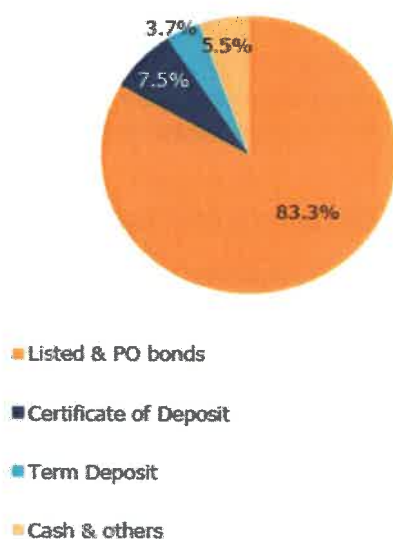


CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH

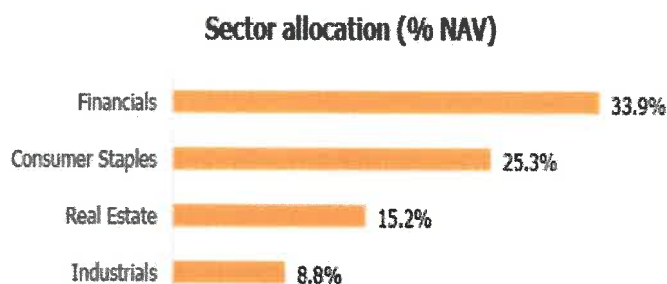
Phân bổ trái phiếu theo ngành (% NAV)



ASSET ALLOCATION



SECTORAL PORTFOLIO STRUCTURE



- Giá trị tài sản ròng của quỹ: 395,267,697,079 VNĐ
- *Net Asset Value (NAV) of the fund: 395,267,697,079 VND*
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ: 12,483.72 VNĐ
- *Net Asset Value per Fund Unit: 12,483.72 VND*
- Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành: 31,662,643.48
- *Number of Outstanding Fund Units: 31,662,643.48*
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong năm 2024: 12,508.95 VNĐ
- *Highest Net Asset Value per Fund Unit in 2024: 12,508.95 VND*
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong năm 2024: 11,602.98 VNĐ
- *Lowest Net Asset Value per Fund Unit in 2024: 11,602.98 VND*
- Tổng lợi nhuận của quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi,...) (giá trị thu nhập)
- *Total fund return, provide details of the profit derived from the appreciation of securities prices (capital gains) and the profit derived from securities income (dividends, bond interest, deposit interest, etc.) (income value)*

Chỉ tiêu (VNĐ) Indicator (VND)	Năm 2024 Year 2024
Lãi bán các khoản đầu tư Profit from investment sales	(276,084,364)
Chênh lệch đánh giá các khoản đầu tư chưa thực hiện Unrealized investment valuation difference	3,647,444,696
Cổ tức Dividends	0
Trái tức Bond interest	35,209,909,047
Lãi tiền gửi Deposit interest	4,934,056,875

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kế hoạch trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ, thời điểm phân chia lợi nhuận; Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: trong năm 2024, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

- *Distributed profit per fund unit (net value and gross value) during the reporting period, the plan in case of cash distribution or distribution in fund units, and the timing of profit distribution; Net asset value per fund unit before and after the profit distribution: In 2024, the fund did not distribute any profits.*

- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và tốc độ vòng quay danh mục trong năm 2024:

- *Fund's operating expense ratio and portfolio turnover rate in 2024:*

Chỉ tiêu Indicator	Năm 2024 Year 2024
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ trong năm 2024 Operating Expense Ratio of the Fund in 2024	1.00%
Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ trong năm 2024 Portfolio Turnover Rate of the Fund in 2024	46.49%

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ

b) *Fund Performance Indicators*

Tổng lợi nhuận bình quân của quỹ: 7.33%

Average total return of the fund: 7.33%

c) Các chỉ tiêu so sánh khác:

c) *Other Comparative Indicators:*

Trong năm 2024, việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch.

In 2024, the determination of the fund's net asset value complied with applicable laws, the fund's Charter, and the Prospectus.

3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

3. REPORT ON ASSET MANAGEMENT ACTIVITIES OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty Quản lý Quỹ: không có

a) *Explanation of Changes in the Fund Management Company: None*

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư:

b) *Explanation of the Fund's Investment Objective Achievement:*

Trong năm 2024, Giá trị tài sản ròng (NAV) của MAFF giảm từ 642 tỷ đồng xuống 395 tỷ đồng, chủ yếu đến từ việc rút vốn của Nhà đầu tư đã được lên kế hoạch từ trước. Bên cạnh đó, Giá trị tài sản ròng trên mỗi chứng chỉ quỹ đạt 12,483.72 đồng, so với mức 11,614.22 đồng hồi cuối năm. Điều này tương ứng với tỷ suất lợi nhuận đạt 7.49% trong năm 2024, tương đối tích cực khi xét đến lãi suất tiền gửi vẫn duy trì ở mức thấp, với lãi suất tiền gửi trung bình 12 tháng của Ngân hàng Thương mại là 5.3%/năm. Những kết quả này đạt được nhờ MAFF tích cực tìm kiếm cơ hội đầu tư ở cả thị trường sơ cấp và thứ cấp để có được Trái phiếu Doanh nghiệp với lãi suất hấp dẫn. Quỹ đã mua một số lượng đáng kể trái phiếu doanh nghiệp phát hành, chứng chỉ tiền gửi góp phần mang lại kết quả tích cực cho MAFF trong năm 2024.

In 2024, the Net Asset Value (NAV) of MAFF decreased from VND 642 billion to VND 395 billion, primarily due to planned investor redemptions. Additionally, the Net Asset Value per fund certificate reached VND 12,483.72, compared to VND 11,614.22 at the end of the previous year. This corresponds to an annual return of 7.49% in 2024, a relatively positive outcome considering that deposit interest rates remained low, with the average 12-month deposit rate at commercial banks standing at 5.3% per annum. These results were achieved as MAFF actively sought investment opportunities in both primary and secondary markets to acquire corporate bonds with attractive interest rates. The fund purchased a significant amount of corporate bonds and certificates of deposit, contributing to its positive performance in 2024.

MAFF phân bổ tỷ lệ tài sản cao cho Trái phiếu. Tính đến cuối tháng 12 năm 2024, trái phiếu doanh nghiệp chiếm 83,3% danh mục đầu tư của Quỹ. Chứng chỉ tiền gửi chiếm 7,5% trong danh mục đầu tư của Quỹ, còn lại là tiền, các khoản tương đương tiền và tài sản khác (chiếm 9,2%). Quỹ đã đầu tư mạnh vào những trái phiếu trong lĩnh vực tài chính, lĩnh vực hàng tiêu dùng thiết yếu, lĩnh vực bất động sản... có lãi suất cạnh tranh và nền tảng vững mạnh.

MAFF has allocated a high proportion of its assets to Bonds. As of the end of December 2024, corporate bonds accounted for 83.3% of the Fund's investment portfolio. Certificates of deposit made up 7.5% of the portfolio, while the remaining 9.2% was allocated to cash, cash equivalents, and other assets. The Fund has made significant investments in bonds within the financial sector, essential consumer goods sector, real estate sector, and others, with competitive interest rates and strong underlying fundamentals.

Về chất lượng tài sản, các công ty được MAFF lựa chọn đầu tư trái phiếu luôn đáp ứng tiêu chí: lãi suất cạnh tranh trên thị trường, hoạt động kinh doanh tốt, dòng tiền ổn định và khả năng lãnh đạo tài ba. Vì vậy, trong năm 2024, quỹ không ghi nhận trường hợp nào chậm trả gốc, lãi. Ngoài ra, MAFF cũng ưu tiên đa dạng hoá danh mục đầu tư để giảm thiểu rủi ro.

In terms of asset quality, the companies selected by MAFF for bond investments consistently meet the criteria: competitive market interest rates, strong business operations, stable cash flow, and excellent leadership. As a result, in 2024, the Fund did not record any cases of delayed principal or interest payments. Additionally, MAFF prioritizes portfolio diversification to minimize risk.

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bảng đồ thị): quỹ không có danh mục tham chiếu.

c) Comparison of the fund's profit performance with the profit performance of the reference portfolio and the benchmark index published in the Prospectus for the same reporting period (in graphical form): the fund has no reference portfolio.

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị): quỹ không có danh mục tham chiếu.

d) "Comparison of the fund's profit performance with the performance of the reference portfolio and the benchmark index published in the Prospectus over the past five (05) years up to the reporting date (in graphical form): the fund has no reference portfolio.

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ:

e) Description of the investment strategy and tactics used by the Fund during the reporting period. In the event that there is a discrepancy between the investment strategy and tactics implemented during the period and those disclosed in the Prospectus, additional explanations must be provided, along with an assessment of the advantages and disadvantages of the strategy and tactics employed during the period.

Tính đến cuối tháng 12, danh mục đầu tư của quỹ chúng tôi bao gồm 7,5% chứng chỉ tiền gửi (C/D) và 83,3% trái phiếu doanh nghiệp (C-bonds), với lợi suất trung bình lần lượt là 7,3% và 8,2%. Chúng tôi tiếp tục tập trung vào việc tìm kiếm các cơ hội đầu tư vào trái phiếu trong lĩnh vực tài chính với lãi suất cạnh tranh và nền tảng vững mạnh. Chiến lược này dự kiến sẽ nâng lợi suất kỳ vọng của quỹ từ 7,7% trong năm 2024 lên 7,9% vào cuối tháng 1, trong khi thời gian đáo hạn điều chỉnh dự kiến tăng từ 1,68 năm trong năm 2024 lên 2,13 năm.

As of the end of December, our fund's portfolio consists of 7.5% certificates of deposit (C/D) and 83.3% corporate bonds (C-bonds), with average yields of 7.3% and 8.2%, respectively. We remain focused on identifying investment opportunities in bonds within the financial sector that offer competitive interest rates and strong fundamentals. This strategy is expected to enhance the fund's implied yield from 7.6% in 2024 to 7.9% by the end of January, while the modified duration is projected to increase from 1.68 in 2024 to 2.13.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ liên kế kỳ báo cáo:

f) Description of the differences in the fund's investment portfolio structure at the reporting date compared to the portfolio of the adjacent reporting period:

Tính đến cuối năm 2024, danh mục đầu tư của quỹ bao gồm 7,5% chứng chỉ tiền gửi và 83,3% trái phiếu doanh nghiệp, với mức lợi suất trung bình tương ứng là 7,3%, và 8,2%.

As of the end of 2024, the fund's investment portfolio consisted of 7.5% certificates of deposit and 83.3% corporate bonds, with corresponding average yields of 7.3% and 8.2%, respectively.

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, tại kỳ báo cáo này với kỳ báo cáo gần nhất):

g) Analysis of the fund's performance based on the comparison of the net asset value per fund unit (after adjusting for the distributed profit) in the current reporting period with the most recent reporting period):

Đến cuối năm 2024, hiệu suất đầu tư của quỹ MAFF tính theo tài sản ròng trên một đơn vị quỹ từ đầu năm là 7,49%.

As of the end of 2024, the investment performance of the MAFF fund, based on net asset value per fund unit from the beginning of the year, was 7.49%.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hoá thấp (small-cap):

h) Evaluation of the fluctuations of the markets during the reporting period, including foreign markets in which the Fund has invested, and information on investment returns for each asset type: blue-chip stocks, small-cap stocks:

Kim ngạch xuất, nhập khẩu đã phục hồi trong tháng 12, sau khi giảm nhẹ vào tháng trước. Kim ngạch xuất khẩu tăng 5,3% so với tháng trước và 12,8% svck, trong khi kim ngạch nhập khẩu tăng 7,2% so với tháng trước và 19,2% svck. Trong cả năm, kim ngạch xuất khẩu tăng 14,3% và kim ngạch nhập khẩu tăng 16,7%, dẫn đến thặng dư thương mại đạt 24,77 tỷ USD, phản ánh hiệu suất bền vững. Ngoài ra, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), chủ yếu tập trung vào lĩnh vực sản xuất, vẫn mạnh mẽ, với vốn FDI đăng ký tăng 20% svck và FDI giải ngân tăng 9,4% svck.

Exports and imports, which experienced a brief contraction in the previous month, rebounded in December. Exports grew by 5.3% month-on-month (MoM) and 12.8% year-over-year (YoY), while imports rose by 7.2% MoM and 19.2% YoY. For the full year, exports increased by 14.3% and imports by 16.7%, resulting in a trade surplus of USD 24.77 billion, reflecting sustained strong performance. Additionally, foreign direct investment (FDI), predominantly directed toward the manufacturing sector, remained robust, with registered FDI up by 20% YoY and disbursed FDI increasing by 9.4% YoY.

Về tiêu dùng nội địa, doanh số bán lẻ trong tháng 12 tăng 1,9% so với tháng trước và 9,3% svck, đạt mức tăng trưởng hàng năm 9% svck, phù hợp với mục tiêu do Quốc hội đề ra. Tuy nhiên, sau khi điều chỉnh lạm phát, tốc độ tăng trưởng thực tế chỉ đạt 5,9%. Chỉ số Giá Tiêu dùng (CPI) tăng 0,29% so với tháng trước và 2,94% svck trong tháng 12, chủ yếu do giá dược phẩm và dịch vụ y tế tăng. Mặc dù có áp lực này, tỷ lệ lạm phát trung bình hàng năm vẫn được kiểm soát tốt ở mức 3,63%, với lạm phát cơ bản là 2,71%, đều nằm trong phạm vi mục tiêu của chính phủ.

In terms of domestic consumption, retail sales in December grew by 1.9% month-on-month (MoM) and 9.3% year-over-year (YoY), achieving an annual growth rate of 9% YoY, consistent with the target set by the National Assembly. However, when adjusted for inflation, the real growth rate was limited to 5.9%. The Consumer Price Index (CPI) increased by 0.29% MoM and 2.94% YoY in December, primarily driven by rising prices for pharmaceuticals and healthcare services. Despite these pressures, the average annual inflation rate remained well-controlled at 3.63%, with core inflation at 2.71%, both within the government's target range.

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ; ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia tách): không có

i) Information about the subdivision or consolidation of fund units during the period; the impact of the subdivision or consolidation of fund units and the net asset value per fund unit (before and after the subdivision): None

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: không có

k) Cases affecting the rights of investors holding fund certificates: None

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan: không có

l) Information about transactions with related parties: None

4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

4. REPORT ON SUPERVISORY ACTIVITIES OF THE CUSTODIAN BANK

Ngân hàng giám sát phải đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) trong quá trình vận hành và quản lý Quỹ Đầu tư Trái Phiếu Linh Hoạt Mirae Asset Việt Nam ("MAFF" hoặc "Quỹ") đối với các nội dung sau:

The custodian bank must provide an opinion on the compliance with legal regulations, as stipulated in the fund's Charter and the Prospectus of Mirae Asset Fund Management (Vietnam)

LLC, during the operation and management of the Mirae Asset Vietnam Flexible Bond Fund ("MAFF" or the "Fund") with regard to the following matters:

a) Thuyết minh về việc có thay đổi ngân hàng giám sát (nếu có): trong kỳ báo cáo, Quỹ không thay đổi Ngân hàng giám sát

a) Explanation of any change in the custodian bank (if any): During the reporting period, the Fund did not change the custodian bank.

b) Việc lưu ký tài sản của Quỹ: trong kỳ báo cáo, Quỹ đã thực hiện lưu ký tài sản tuân thủ theo các Quy định của Luật chứng khoán hiện hành và các văn bản pháp luật có liên quan, Điều lệ và Bản cáo bạch của quỹ.

b) Custody of the Fund's assets: During the reporting period, the Fund has conducted asset custody in compliance with the provisions of the current Securities Law, relevant legal documents, and the Fund's Charter and Prospectus.

c) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch:

c) Investment compliance with investment restrictions and borrowing limitations as per legal regulations, the Fund's Charter, and the Prospectus:

Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.

Mirae Asset Fund Management (Vietnam) LLC has complied with the investment limits set forth in the current securities laws regarding open-ended funds, the Fund's Prospectus, and relevant legal documents.

d) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) The valuation and assessment of the Fund's assets have been in accordance with the Fund's Charter, the Fund's Prospectus, and relevant legal documents.

e) Việc phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

e) The issuance and redemption of fund certificates have been in accordance with the Fund's Charter, the Fund's Prospectus, and relevant legal documents.

f) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ: trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

f) Profit distribution of the fund: During the reporting period, the Fund did not carry out any profit distribution to investors.

5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

5. REPORT ON AUTHORIZATION ACTIVITIES

Đối với quỹ MAFF, các đơn vị nhận ủy quyền bao gồm:

"For the MAFF fund, the authorized entities include:

- Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
- *Transfer agent service provider: Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation*
- Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hà Thành
- *Fund management service provider: Vietnam Investment and Development Bank – Ha Thanh Branch*

- Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý phân phối chứng chỉ quỹ:
- *Fund certificate distribution agent service provider:*
 - Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
 - *Mirae Asset Securities Company (Vietnam) Joint Stock Company*
 - Công ty TNHH Chứng khoán NH Việt Nam ("NHSV")
 - *Vietnam NH Securities Company Limited ("NHSV")*
 - Công ty Cổ Phần Fincorp
 - *Fincorp Joint Stock Company*
 - Công ty Cổ phần Chứng khoán Pinetree
 - *Pinetree Securities Joint Stock Company*
 - Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam
 - *KIS Vietnam Securities Joint Stock Company*
 - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Vina (VNSC)
 - *Vina Securities Joint Stock Company (VNSC)*
 - Công ty Cổ Phần Chứng khoán KB Việt Nam (KBSV)
 - *KB Vietnam Securities Joint Stock Company (KBSV)*

a) Chi phí trả cho bên nhận uỷ quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

a) Expenses paid to the authorized party in relation to the fund's profit, income, and total operating expenses:

	Chi phí năm 2024 Expenses for 2024	Tỷ lệ so với lợi nhuận Ratio to profit	Tỷ lệ so với thu nhập Ratio to income	Tỷ lệ so với Tổng chi phí hoạt động quỹ Ratio to total fund operating expenses
Chi phí dịch vụ quản trị Quỹ Fund administration service fee	207,163,763	0.54%	0.48%	4.03%
Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng Transfer agency service fee	158,400,000	0.41%	0.36%	3.08%
Chi phí giao dịch trả Đại lý phân phối Transaction fees paid to the distribution agent	0	0%	0%	0%

b) Các ảnh hưởng của hoạt động uỷ quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: Chỉ làm tăng chi phí nhưng không đáng kể, hạn chế tối thiểu mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ.

b) The impact of the authorization activities on the fund's profit and risk level: It only increases costs, but not significantly, and minimizes the impact on the fund's operations

c) Tổng chi phí các hoạt động uỷ quyền phải trả cho bên nhận uỷ quyền (trường hợp bên nhận uỷ quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ):

c) Total expenses for authorized activities payable to the authorized party (in cases where the authorized party provides multiple services to the fund management company):

STT No	Chỉ tiêu Indicator	Số tiền Amount
1	Phí dịch vụ quản trị Quỹ Fund administration service fee	207,163,763
2	Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng Transfer agency service fee	158,400,000
3	Chi phí giao dịch trả Đại lý phân phối Transaction fees paid to the distribution agent	0
4	Tổng chi phí các hoạt động uỷ quyền của Quỹ Total expenses for the Fund's authorized activities	365,563,763

d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm hoạ,... của bên nhận uỷ quyền, bảo đảm hoạt động uỷ quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà đầu tư: Tốt

d) Evaluation of the ability to maintain the internal control system, risk management, confidentiality, technical infrastructure, hot backup system, disaster recovery system, etc., of the authorized entity, ensuring that the authorization process is carried out smoothly without affecting the investment activities of investors: Good

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ MIRAE ASSET (VIỆT NAM)
MIRAE ASSET (VIETNAM) FUND MANAGEMENT COMPANY LIMITED

Tổng giám đốc



Soh Jin Wook

